

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-3-2021
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi
con giữa chị H với anh V

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị HThi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.
2. Ông Lê Trung Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Mỹ Phó, xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: ấp Mỹ Thiện, xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hà Quốc V, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Mỹ Phó, xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: ấp Mỹ Thiện, xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/8/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

1. Về hôn nhân: Nguyên vào năm 2002, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Hà Quốc V quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó tiến tới hôn

nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn, vì không hợp nhau. Ngoài ra, thời điểm chung sống anh V còn có mối quan hệ bất chính bên ngoài, chị đã nhiều lần bắt gặp. Chị H và anh V nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra và ngày càng trầm trọng, ly thân từ 01 năm 2020 cho đến nay, chị đã đi ra khỏi nhà, về nhà mẹ ruột sinh sống. Nay tình cảm không còn xin được ly hôn với anh V.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hà Quốc Nam, sinh năm 2003 và Nguyễn Hà Quốc Nhật, sinh năm 2007. Khi ly hôn chị Hyêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nhật, chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Chị H đồng ý giao cháu Nam cho anh V nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Hà Quốc V trình bày:

1. Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của chị H về quá trình tiến tới hôn nhân. Anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn con cái có cha thiếu mẹ, có mẹ thiếu cha. Anh muốn vợ cH hàn gắn, cùng nuôi dưỡng con cái khôn lớn. Thật ra, chị H muốn ly hôn với anh là vì gần đây chị H có mối quan hệ bất thường bên ngoài nên mới muốn ly hôn với anh, chị H thường xuyên đi chơi tầm 09 giờ tối, ăn diện bất thường, lại có những cuộc gọi thoại riêng tư nói chuyện rất lâu, có những cuộc gọi kéo dài đến 01, 02 giờ sáng. Anh thừa nhận trước đây vợ cHanh có gây lộn, ẩu đả lẫn nhau, anh có đánh vợ và vợ có cầm dao dọa chém anh, nhưng đó là chuyện đã lâu rồi, vợ cH đã hàn gắn.

Từ khoảng tháng 9 năm 2020 đến nay chị H không nghe điện thoại của anh nữa và chặn điện thoại của anh. Khoảng tháng 10 năm 2020 con trai của anh bị gãy tay thì vợ anh có nhận điện thoại của anh, nhưng sau đó lại tiếp tục chặn. Chị H nói với con học bằng lái xe nhưng thực tế không có. Chị H thường đi chơi khuya, anh nhờ con trai điện thoại âm thanh thì nghe nhưng điện thoại thấy hình ảnh thì chị H không nghe máy, khi vợ về nhà mới gọi thấy hình ảnh lại. Chị H thường nặng lời chửi tục để anh không theo dõi việc làm của chị nữa, chị còn nói anh không có quyền gì với chị. Hành vi của chị là sai vì anh và chị vẫn còn mối quan hệ vợ cH. Chị hầu như ngày nào cũng có sử dụng Zalo bí mật với người nào đó. Anh không đồng ý ly hôn vì vợ có quan hệ bất chính bên ngoài, có người thấy một người đàn ông chở chị H, chị H ôm người đó. Anh khẳng định anh còn thương vợ thương con và vợ cHanh đã ly thân với nhau khoảng 06 tháng (từ tháng 8 năm 2020), chị H tự ý mang đồ về mẹ vợ sống. Cuộc gọi ngày 14/8/2020 giữa anh và chị H thì chị H cho rằng ai có tiền thì chị cập với người đó.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hà Quốc Nam, sinh năm 2003 và Nguyễn Hà Quốc Nhật, sinh năm 2007. Cháu Nam đang sinh sống với anh, cháu Nhật đang sinh sống với chị H, anh không đồng ý chia con nuôi theo yêu cầu của chị H, anh yêu cầu cả hai cùng chăm sóc con, để nuôi dạy con khôn lớn.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, bị đơn không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị H và anh V kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện anh chị có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng ly thân hơn 06 tháng, cho thấy anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hà Quốc Nam, sinh năm 2003 và Nguyễn Hà Quốc Nhật, sinh năm 2007. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nam cho anh V nuôi dưỡng, cháu Nhật cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân tên chị H; Bản sao giấy khai sinh của Nam và Nhật; Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Tờ trình bày nguyện vọng của cháu Nam ngày 29/9/2020 và của cháu Nhật ngày 12/11/2020; Bản tự khai của anh V; Bản tường trình của anh V; Bản phiên âm cuộc thoại 05/9/2020; Bản phiên âm cuộc thoại ngày 14/8/2020; 01 đĩa CD chứa nội dung 02 cuộc thoại được anh V phiên âm; Bản tường trình; Bản phiên âm cuộc thoại ngày 05/12/2020; Bản phiên âm cuộc thoại ngày 07/12/2020; Bản phiên âm cuộc thoại ngày 07/12/2020; 01 đĩa CD chứa nội dung 02 cuộc thoại được anh V phiên âm và 01 USB chứa 02 cuộc thoại ngày 07, 09/12/2020; Bản tự khai ngày 29/9/2020; Bản tự khai ngày 29/8/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, về nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thu thập chứng cứ: Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh V tại ấp Mỹ Pháo và ấp Mỹ Thiện thể hiện việc mâu thuẫn giữa chị H và anh V địa phương không rõ, do chị H và anh V không thông báo hay nhờ Ban ấp hòa giải. Biên bản lấy lời khai của mẹ anh V cũng thể hiện anh chị có mâu thuẫn nhưng hòa giải được.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh V đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 1103, ngày 20/10/2002. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh chị ghen tuông lẫn nhau, ấu dả nhau, vợ chồng đã sống ly thân đã lâu. Nay tình cảm không còn chị H yêu cầu ly hôn. Anh V không đồng ý vì cho rằng còn thương vợ thương con muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con.

Xét quan hệ hôn nhân của chị H và anh V, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị H và anh V đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định, là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Thời gian chung sống anh chị đôi khi có hành vi bạo lực gia đình, điều này đã được anh V thừa nhận tại các lần hòa giải, tại phiên tòa, anh chị có những lời lẽ ghen tuông lẫn nhau, cả hai đều trình bày đối phương đều có quan hệ bất chính bên ngoài. Chị H không xuất trình được chứng cứ anh V có quan hệ bất chính bên ngoài, anh V thì cung cấp cho Tòa án các đoạn thoại, trong đó ghi lại cuộc gây lộn của anh chị cũng không chứng minh được chị H có quan hệ bất chính bên ngoài. Cho thấy mâu thuẫn của anh chị là vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, luôn hoài nghi nhau, theo dõi nhau.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh chị để hòa giải nhiều lần nhằm mục đích hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng việc hòa giải đoàn tụ không thành do chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn, chị có đơn xin không hòa giải và xin xét xử vắng mặt, thể hiện chị H đã không còn muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Lục Thị Thu ngày 29/9/2020 bà Thu cho biết vợ chồng, V có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, có thường xuyên cãi vã, hàn gắn lại được, chị H giận và không nói chuyện với anh V.

Qua lời trình bày của các đương sự chứng minh được các đương sự đã có mâu thuẫn nhau trong cuộc sống. Mỗi quan hệ vợ chồng là mối quan hệ dài lâu và bền vững, vợ chồng phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chung sống xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con, nhưng anh chị không làm vậy, anh chị ly thân đã lâu (thời gian ly thân có khác nhau chị H cho rằng ly thân từ tháng 01/2020, anh V cho rằng ly thân từ tháng 08/2020), thời gian ly thân các bên trình bày có mâu thuẫn nhau, nhưng đều thể hiện anh chị đã ly thân ít nhất là hơn 06 tháng. Thời gian ly thân là thời gian để anh vợ suy ngẫm lại mối quan hệ, suy ngẫm lại tình cảm và hành vi của mình đối với vợ chồng mà hàn gắn lại tình cảm, nhưng anh không hàn gắn được. Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Hyêu cầu ly hôn với anh V là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H đối với anh V.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh V có 02 con chung tên Nguyễn Hà Quốc Nam, sinh năm 2003 và Nguyễn Hà Quốc Nhật, sinh năm 2007. Chị Hyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật, đồng ý giao cháu Nam cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Nam đang sinh sống với anh V, cháu Nhật đang sinh sống với chị H. Xét thấy, cháu Nam có nguyện vọng sống chung với anh V, cháu Nhật có nguyện vọng được sống chung với chị H, để tạo điều kiện cho các cháu phát triển toàn diện về mọi mặt, ổn định tinh thần, sinh sống và học tập của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nam cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nhật cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị H, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Nguyễn Hà Quốc V.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Hà Quốc V.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 1103, ngày 20/10/2002 của chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Hà Quốc V được Ủy ban nhân dân xã MĐ, huyện C, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Hà Quốc V có 02 con chung tên Nguyễn Hà Quốc Nam, sinh năm 2003 và Nguyễn Hà Quốc Nhật, sinh năm 2007. Hiện cháu Nam đang sinh sống với anh V, cháu Nhật đang sinh sống với chị H.

- Giao cháu Nguyễn Hà Quốc Nhật, sinh năm 2007 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao cháu Nguyễn Hà Quốc Nam, sinh năm 2003 cho anh Nguyễn Hà Quốc V trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số: 0003624 ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Ủy ban nhân dân xã MĐ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị HThi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Khắc Chung Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị HThi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND thị trấn Cái Dầu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

Lê Thị HThi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA